



Thứ năm, ngày 4 tháng 4 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tâm lý chờ đợi

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/4/2019		•	
Tuần 1/4-5/4/2019		•	
Tháng 4/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng điểm nhẹ trong phiên sáng. Trong phiên chiều đã tăng được cải thiện.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm SAB (+0.567 điểm); VCB (+0.565 điểm); HDB (+0.28 điểm); CTG (+0.22 điểm); BVH (+0.21 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm BID (-0.41 điểm); VNM (-0.26 điểm); GAS (-0.117 điểm); VJC (-0.116 điểm); LGC (-0.115 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngành truyền thông và bảo hiểm, thanh khoản chưa có sự cải thiện đáng kể so với phiên giao dịch ngày hôm qua.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 2,632.60 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 6.14 điểm. Thị trường có 178 mã tăng và 113 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 2.45 điểm, đóng cửa tại 986.91 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.12 điểm lên 107.42 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 29.53 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (21.63 tỷ), VJC (20.29 tỷ) và HDB (14.94 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã bán ròng 12.67 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng giảm điểm nhẹ do lực bán tập trung ở các mã cổ phiếu nhóm ngân hàng – tài chính như VCB, CTG và BVH. Trong phiên chiều, đã tăng tiếp tục được cải thiện bởi lực mua tăng nhẹ ở các mã cổ phiếu trên. Theo quan điểm của BSC, thị trường giao vẫn chưa cho thấy dấu hiệu tăng điểm rõ ràng, thanh khoản chưa có sự cải thiện trước những thông tin không mấy khả quan như dự đoán của ADB về sự chững lại của kinh tế châu Á, Quốc hội Anh ngăn chặn Brexit, bên cạnh đó là tâm lý chờ đợi của nhà đầu tư trước thềm kết quả cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung.

Phân tích kỹ thuật:

BMI_Bứt phá ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

Cập nhật doanh nghiệp

HT1_MUA_TP 18,400 VND_Vị thế đầu ngành_BSC
Company Update_04/04/2019

<<https://www.bsc.com.vn/Report/ReportFile/2245764?key=30>>

(Vui lòng tải và xem trang 3)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

986.91

Giá trị: 2632.61 tỷ

2.45 (0.25%)

Khối ngoại (ròng): -29.53 tỷ

HNX-INDEX

107.42

Giá trị: 371.8 tỷ

0.12 (0.11%)

Khối ngoại (ròng): -12.67 tỷ

UPCOM-INDEX

56.86

Giá trị: 257.64 tỷ

0.22 (0.39%)

Khối ngoại(ròng): 11.86 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	62.5	0.11%
Giá vàng	1,292	0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,034	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	20,829	0.14%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PVD	30.0	HPG	21.6
MSN	34.7	VJC	20.2
GAS	20.5	HDB	14.9
VCB	17.4	BID	12.7
BWE	11.9	POW	11.0

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Cập nhật doanh nghiệp

Trang 3

Cổ phiếu lớn

Trang 4

Thống kê thị trường

Trang 5

Báo cáo mới nhất

Trang 6

iBroker

Trang 7

Khuyến cáo sử dụng

Trang 8

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

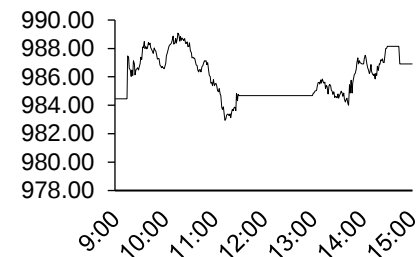
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VNM	2.8	138.0	134.69	120.00	MUA	Tăng giá kéo dài
DHG	1.0	120.0	117.44	71.47	MUA	Tăng giá kéo dài
NTC	0.9	118.9	114.24	102.50	MUA	Tăng giá kéo dài
VIC	1.9	115.1	113.72	113.10	MUA MẠNH	Tăng giá kéo dài
D2D	0.7	114.3	91.61	94.30	MUA	Tăng giá kéo dài
GAS	1.7	101.3	96.52	95.60	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	2.2	101.0	98.95	96.40	MUA MẠNH	Tăng giá kéo dài
VHM	2.0	92.0	89.23	87.50	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VHC	0.5	90.2	86.43	85.00	MUA	Giảm giá kéo dài
MSN	1.3	87.8	82.15	82.10	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

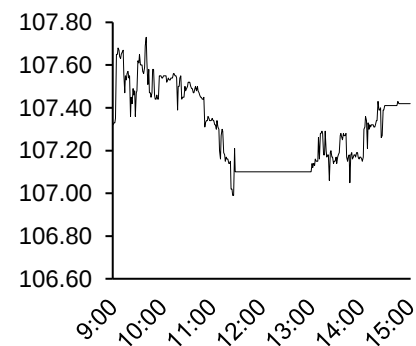
Phân tích kỹ thuật

BMI_Bứt phá ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: bứt phá trong ngắn hạn và có khả năng tăng trong trung và dài hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD vận động hướng lên, vượt trên đường tín hiệu và ở trên đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: ở vùng quá mua và có xu hướng tiếp tục vận động trong vùng này
- Đường MA: tất cả các đường MA tiếp tục hướng lên và tăng độ dốc.

Nhận định: BMI vận động trong vùng 24.56 - 26.35 và trong xu hướng tăng từ vùng đáy 18.75 giữa tháng 8/2018. Thanh khoản cổ phiếu trong trạng thái tăng mạnh với thanh khoản trung bình 20 phiên tiếp tục tăng. Chỉ báo RSI vận động trong vùng quá mua, xu hướng tiếp tục vận động trong vùng quá mua và ủng hộ trạng thái bứt phá ngắn hạn, chỉ báo MACD cho thấy dấu hiệu BMI có khả năng tăng giá ở các phiên sau. Vận động các đường MA cho thấy BMI sẽ có khả năng duy trì đà tăng trong trung và dài hạn. Nếu cổ phiếu tiếp tục duy trì tích lũy trên mốc 24.56 với thanh khoản tích cực, BMI sẽ có khả năng vận động về vùng 26.35 – 28.15. Nếu BMI bị điều chỉnh xuống dưới 24.56, BMI sẽ kiểm tra vùng 22.7 - 20.24.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1903	0.0	#DIV/0!	#DIV/0!
VN30F1904	888.0	0.0%	7.8%
VN30F1906	884.1	-40.0%	-40.0%
VN30F1909	885.1	0.2%	-19.0%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	29	3.4	0.9
HPG	32	0.9	0.5
SAB	250	1.2	0.4
FPT	48	1.3	0.4
PNJ	101	2.0	0.4

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	138	0	-0.3
VJC	113	-1	-0.3
MWG	84	0	-0.1
CTD	141	-1	-0.1
DPM	19	-2	-0.1

Vui lòng tải báo cáo tại đây

[Link](#)

Khuyến nghị: **MUA**

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

hanhntk@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	18,400
Giá đóng cửa	16,150
Upside	13.9%

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	19,000
Giá cut loss	13,500

Dữ liệu thị trường

Số lượng CP (nghìn CP)	381,542
Vốn hóa (tỷ đồng)	5,799
Giá cao nhất 52 tuần	16,700
KLGD TB 10 ngày (CP)	139,035
Sở hữu NĐTNN	6.02%

Cổ đông lớn (tại ngày 11/10/2018)

TCTCN Xi Măng Việt Nam	79.69%
Thanachart Securities	1.46%
CTCP VT&TM quốc tế	1.37%
Phatra Capital	1.35%

Diễn biến giá (1 năm)



Tổng quan công ty

Hà Tiên 1 là thương hiệu xi măng hàng đầu tại thị trường miền Nam với thị phần 28%. Sở hữu 2 nhà máy sản xuất clinker và 3 trạm nghiền, sản lượng tiêu thụ hàng năm của HT1 đạt trên 7.4 triệu tấn, chiếm 11% tổng tiêu thụ nội địa

VỊ THẾ ĐẦU NGÀNH

Quan điểm đầu tư

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu HT1 với giá mục tiêu cho năm 2019 là **18,400 đồng/CP** theo dựa trên phương pháp định giá EV/EBITDA với số nhân EV/EBITDA mục tiêu là 5.5x. Giá mục tiêu này của chúng tôi tương đương với P/E fw 2019 = 10.8x (P/E trung bình 2 năm của HT1 là 10.1x).

Dự báo kết quả kinh doanh.

Chúng tôi dự báo doanh thu năm 2019 của HT1 đạt 8,758 tỷ đồng (+4.6% YoY) dựa trên giả định (1) tổng sản lượng xi măng và clinker tiêu thụ đạt 7.58 triệu tấn (+2.8% YoY) và (2) giá bán bình quân tăng 2%. LNST ước đạt 721 tỷ đồng (+11.8% YoY), tăng mạnh hơn doanh thu nhờ tiết giảm được chi phí tài chính, tương đương với EPS = 1,702 đồng/CP, P/E fw = 9.5x.

Luận điểm đầu tư (xem tiếp trang 2)

- (1) **Nhu cầu xây dựng dân dụng và đầu tư công** (đặc biệt vào các dự án hạ tầng giao thông) tiếp tục hỗ trợ tiêu thụ. **Áp lực cạnh tranh ngành giảm bớt nhờ đẩy mạnh xuất khẩu**, đặc biệt sang Trung Quốc.
- (2) **Vị thế đầu ngành với 28% thị phần tại thị trường miền Nam, tương đương 11% thị phần cả nước**, thương hiệu mạnh, do đó có khả năng chuyển một phần tăng giá đầu vào sang giá bán.
- (3) **Dư nợ vay ngoại tệ giảm dần và ước tính được hoàn trả hết trong năm 2021** giúp giảm lãi vay và rủi ro tỷ giá.

Rủi ro đầu tư:

- **Rủi ro cạnh tranh:** Chúng tôi đánh giá mức độ cạnh tranh trong ngành giai đoạn này đã dịu bớt nhờ vào tăng được sản lượng xuất khẩu, đặc biệt sang Trung Quốc. Tuy nhiên, những diễn biến khó đoán từ thị trường Trung Quốc có thể tiềm ẩn rủi ro suy giảm nhu cầu đột ngột, gây khó khăn cho ngành bởi công suất thiết kế đang vượt quá nhu cầu tiêu thụ nội địa.
- **Rủi ro giá than:** Ước tính 1% thay đổi trong giá than có thể làm biên LNG giảm 0.2%.
- **Rủi ro tỷ giá:** Ước tính 1% tăng lên của tỷ giá của EUR/VND và USD/VND có thể khiến HT1 ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện 3 tỷ đồng.

Cập nhật doanh nghiệp

(1) **Kết quả kinh doanh 2018:** Doanh thu 2018 đạt 8,376 tỷ đồng (+2% YoY), sản lượng tiêu thụ xi măng 6.5 triệu tấn (+1.6% YoY), clinker 550 nghìn tấn (+28.7% YoY). LNST đạt 645 tỷ, tăng trưởng mạnh 32.3% YoY

(2) **Kế hoạch kinh doanh 2019:**

Hà Tiên 1 đặt kế hoạch kinh doanh năm 2019 sẽ tiêu thụ 7.2 triệu tấn xi măng (+5.61% YoY) và 650 nghìn tấn clinker (+17.61% YoY). Doanh thu thuần kế hoạch đạt 8,927 tỷ đồng (+6.58% YoY), LNNT 917 tỷ (+13.77% YoY).

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.5	-0.4%	0.8	1,608	1.2	6,696	12.5	4.1	49.0%	38.7%
PNJ	Bán lẻ	101.0	2.0%	1.0	733	2.2	5,909	17.1	4.5	49.0%	28.3%
BVH	Bảo hiểm	94.0	1.1%	1.3	2,864	0.2	1,519	61.9	4.5	24.8%	7.3%
PVI	Bảo hiểm	39.0	2.9%	0.7	392	0.5	2,230	17.5	1.3	43.9%	7.6%
VIC	Bất động sản	115.1	0.2%	1.1	15,972	1.9	1,271	90.6	6.5	9.2%	8.9%
VRE	Bất động sản	35.5	0.0%	1.1	3,594	2.9	1,228	28.9	2.9	31.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.3	0.2%	0.8	2,278	1.1	3,529	16.0	2.7	6.9%	20.1%
REE	Bất động sản	31.8	0.6%	1.1	428	0.4	5,753	5.5	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	22.6	0.7%	1.4	343	0.7	3,415	6.6	1.6	48.5%	26.7%
SSI	Chứng khoán	27.3	-0.2%	1.3	604	0.9	2,611	10.5	1.5	60.0%	14.8%
VCI	Chứng khoán	38.0	0.1%	1.0	269	0.1	5,067	7.5	1.7	40.9%	24.7%
HCM	Chứng khoán	27.6	0.0%	1.5	363	0.7	2,650	10.4	2.3	58.7%	23.1%
FPT	Công nghệ	47.8	1.3%	0.9	1,275	3.6	4,280	11.2	2.4	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	48.5	0.0%	0.4	477	0.0	4,156	11.7	2.9	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.3	-0.2%	1.5	8,430	1.7	5,877	17.2	4.3	3.6%	26.5%
PLX	Dầu khí	60.8	0.0%	1.5	3,095	1.6	3,203	19.0	3.4	11.3%	18.1%
PVS	Dầu khí	22.0	0.0%	1.7	457	3.3	2,185	10.1	0.9	26.1%	9.5%
BSR	Dầu khí	13.2	0.8%	0.8	1,779	1.3	1,163	11.3	1.3	41.1%	11.0%
DHG	Dược	120.0	1.4%	0.6	682	1.0	4,445	27.0	5.0	43.5%	19.8%
DPM	Hóa chất	18.8	-2.1%	0.7	320	0.4	1,667	11.3	0.9	22.9%	8.8%
DCM	Hóa chất	9.1	0.6%	0.7	210	0.2	1,113	8.2	0.8	3.0%	9.5%
VCB	Ngân hàng	67.7	0.7%	1.3	10,917	2.8	4,060	16.7	3.9	23.7%	25.5%
BID	Ngân hàng	35.3	-1.1%	1.6	5,247	1.6	2,152	16.4	2.3	3.2%	15.1%
CTG	Ngân hàng	22.0	0.9%	1.6	3,562	1.9	1,454	15.1	1.2	30.0%	8.3%
VPB	Ngân hàng	20.0	0.3%	1.2	2,136	0.9	2,989	6.7	1.4	23.2%	22.8%
MBB	Ngân hàng	22.7	0.7%	1.2	2,081	3.2	2,829	8.0	1.5	20.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	30.2	0.3%	1.1	1,638	1.4	4,119	7.3	1.8	34.3%	27.7%
BMP	Nhựa	49.0	0.2%	0.9	174	0.2	5,224	9.4	1.6	75.8%	17.6%
NTP	Nhựa	38.0	0.0%	0.3	147	0.0	3,715	10.2	1.5	22.3%	15.3%
MSR	Tài nguyên	21.0	4.5%	1.2	821	0.1	732	28.7	1.6	2.0%	5.6%
HPG	Thép	32.4	0.9%	1.0	2,992	3.9	4,037	8.0	1.7	39.9%	23.6%
HSG	Thép	9.3	-0.3%	1.5	155	0.9	355	26.1	0.7	15.3%	2.6%
VNM	Tiêu dùng	138.0	-0.4%	0.7	10,448	2.8	5,294	26.1	9.3	59.3%	37.5%
SAB	Tiêu dùng	249.8	1.2%	0.8	6,965	0.4	6,426	38.9	10.6	63.3%	29.4%
MSN	Tiêu dùng	87.8	0.1%	1.2	4,440	1.3	4,580	19.2	3.5	42.6%	22.2%
SBT	Tiêu dùng	18.3	0.0%	0.6	417	0.9	447	40.9	1.7	10.8%	4.1%
ACV	Vận tải	83.0	-1.4%	0.8	7,856	0.5	1,883	44.1	6.6	3.6%	15.9%
VJC	Vận tải	113.2	-0.6%	1.1	2,666	2.2	9,632	11.8	4.4	21.1%	42.6%
HVN	Vận tải	41.0	1.0%	1.7	2,528	1.1	1,747	23.5	3.2	9.6%	13.4%
GMD	Vận tải	26.4	0.2%	0.9	341	0.2	6,153	4.3	1.3	49.0%	29.4%
PVT	Vận tải	16.4	0.6%	0.7	201	0.2	2,317	7.1	1.1	33.5%	16.9%
VCS	Vật liệu xây dựng	69.0	7.5%	0.9	470	1.4	5,917	11.7	4.0	2.5%	43.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.2	-2.4%	0.9	394	1.2	1,254	16.1	1.4	14.9%	9.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.2	6.3%	0.8	268	0.3	1,681	9.6	1.2	6.0%	12.4%
CTD	Xây dựng	140.9	-1.1%	0.8	468	0.3	18,357	7.7	1.4	47.3%	18.8%
VCG	Xây dựng	25.3	-0.4%	1.2	486	0.6	1,021	24.8	1.7	0.0%	7.5%
CII	Xây dựng	24.7	-0.8%	0.5	266	0.2	368	67.2	1.2	53.7%	1.8%
POW	Điện	15.3	-0.3%	0.6	1,553	0.9	716	21.3	1.5	14.9%	6.8%
NT2	Điện	26.8	-0.7%	0.6	335	0.1	2,618	10.2	2.1	23.1%	17.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	249.80	1.17	0.57	38740.00
VCB	67.70	0.74	0.57	948960.00
HDB	29.20	3.36	0.28	1.61MLN
CTG	22.00	0.92	0.23	2.03MLN
BVH	94.00	1.08	0.21	48150.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	69.00	7.48	0.16	475700.00
ACB	30.20	0.33	0.12	1.09MLN
PVI	39.00	2.90	0.04	292400.00
NVB	8.80	1.15	0.03	309900.00
NDN	13.70	5.38	0.03	1.41MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	35.30	-1.12	-0.42	1.06MLN
VNM	138.00	-0.36	-0.27	469730.00
GAS	101.30	-0.20	-0.12	379650.00
VJC	113.20	-0.61	-0.12	451040.00
LGC	26.55	-6.84	-0.12	10.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VGC	20.20	-2.42	-0.10	1.31MLN
SHN	8.50	-5.56	-0.06	22600.00
PVX	1.40	-6.67	-0.02	1.26MLN
PMC	58.00	-6.15	-0.02	11000.00
DHT	35.60	-3.52	-0.02	14000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SZL	42.80	7.00	0.02	96180.00
HOT	29.05	7.00	0.01	10.00
SBV	13.00	7.00	0.01	4660.00
KSH	1.38	6.98	0.00	1.70MLN
DTA	5.99	6.96	0.00	6650.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.60	20.00	0.00	283900.00
NHP	0.90	12.50	0.00	46000.00
BTW	25.30	10.00	0.00	1600.00
GDW	25.30	10.00	0.00	21000.00
L35	9.90	10.00	0.00	14000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	6.68	-6.96	0.00	1300.00
TDW	28.85	-6.94	-0.01	10.00
LGC	26.55	-6.84	-0.12	10.00
UIC	32.65	-6.71	-0.01	300.00
NVT	9.94	-6.67	-0.02	108430.00

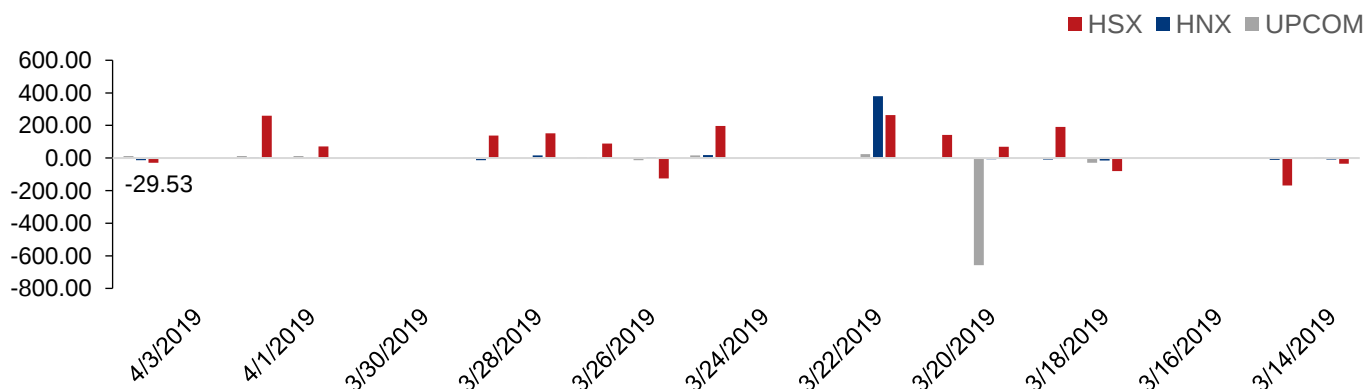
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCS	0.80	-11.11	-0.01	74800.00
AME	9.00	-10.00	-0.01	400.00
VLA	10.00	-9.91	0.00	2100.00
NGC	8.30	-9.78	0.00	100.00
TMX	8.30	-9.78	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018	Phân tích ngành		Click	
2	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
3	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
4	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
5	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
8	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
15	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
20	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng trưởng	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	DXG	Bất động sản	Mua	22/03/2019	22.5	30.5	22.6	3,415	6.6	1.6	Click	
2	CTD	Xây dựng	Theo dõi	22/03/2019	142.0	153.6	140.9	18,357	7.7	1.4	Click	
3	CSV	Hóa chất	Theo dõi	21/03/2019	32.3	36.6	31.5	5,710	5.5	1.7	Click	
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	21/03/2019	17.9	19.2	16.4	2,317	7.1	1.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	30.4	32.7	30.2	4,119	7.3	1.8	Click	
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	26.8	31.2	25.5	2,487	10.2	1.7	Click	
7	GMD	Cảng biển	Theo dõi	7/3/2019	27.8	29.1	26.4	6,153	4.3	1.3	Click	
8	SBT	Mía đường	Theo dõi	1/3/2019	19.8	21.2	18.3	447	40.9	1.7	Click	
9	PHR	Cao su	Theo dõi	6/3/2019	44.6	44.5	53.3	4,785	11.1	2.8	Click	
10	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	4/3/2019	89.5	91.0	87.8	4,580	19.2	3.5	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	101.0	5,909	17.1	4.5	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	47.8	4,280	11.2	2.4	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	22.1	1,187	18.6	1.7	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	31.9	4,070	7.8	1.4	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	26.4	4,811	5.5	1.8	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	140.9	18,357	7.7	1.4	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	42.4	7,493	5.7	2.3	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	26.4	6,153	4.3	1.3	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	16.4	1,929	8.5	0.7	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	89.5	17,768	5.0	1.3	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DGC 2019Q1	20/2/2019	KQKD 2018 DTT và LNTT của DGC lần lượt đạt 6,062 tỷ (+869.1% YoY) và 916 tỷ (+533% YoY) do công ty sát nhập với CTCP Hóa chất Đức Giang – Lào Cai từ Q3.2018. Đồng thời, sản lượng phốt pho tăng do trong năm 2018, CTCP Phốt pho Apatit VN (DGC sở hữu 51%) đã đưa vào vận hành 2 lò phốt pho vàng với công suất 20,000 tấn/năm, đóng góp thêm 1,300 tỷ DT và 100 tỷ LN mỗi năm cho DGC.
Express FPT 2019Q1	29/1/2019	Khuyến nghị MUA. Kế hoạch kinh doanh 2019 công ty đặt tăng trưởng 16%, chủ yếu do chi phí tăng khi phải ghi nhận chi phí lợi thế thương mại và M&A. Hiện tại, công ty đang tìm kiếm các đối tác nhằm phục vụ M&A tại Nhật Bản. Xuất khẩu phần mềm ghi nhận DT và LNTT lần lượt đạt 8,443 tỷ (+ 35% YoY) và 1,360 tỷ (+ 27% YoY). các dự án liên quan đến Chuyển đổi số (chủ yếu là MES và Automotive) ghi nhận doanh thu 1,679 tỷ (+31% YoY). Tuy nhiên, DT dự án Chuyển đổi số trong Q4.2018 chỉ ghi nhận 501 tỷ (+14% YoY), mức tăng trưởng rất thấp so với các quý còn lại.
Express GEX 2019Q1	15/2/2019	Dự báo doanh thu của GEX năm 2019 sẽ đạt mức 15,524 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế ở mức 1,500 tỷ đồng. KQKD quý 4 và cả năm 2018. Quý 4 2018, doanh thu của GEX đạt 3,650 tỷ đồng (+10% yoy). Lợi nhuận sau thuế đạt mức 330.6 tỷ đồng (+20% yoy). Lũy kế cả năm 2018, doanh thu của GEX đạt mức 13,700 tỷ đồng (+14.3% yoy), lợi nhuận sau thuế đạt mức 1282 tỷ đồng (+41% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

